TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2023

V/v "Tranh chấp L hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Sang

2. Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp L hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Khánh L, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Lê Xuân H, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Khu 1 Ô 1, thị Trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Hiện tạm trú tại: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tự khai của chị Lê Thị Khánh L như sau:

Chị L và anh H chung sống năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lợi, Thời gian chung sống có 01 con chung tên Lê Xuân Anh Thảo, sinh này 06/12/2020. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do thường xuyên cự cãi, bất hòa, sống không hạnh phúc, nhiều lần trao đổi tìm cách khắc phục nhưng không có kết

quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được L hôn với anh H.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con Lê Xuân Anh Thảo

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Theo lời khai của anh Lê Xuân H như sau:

Anh H thống nhất với chị L về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo anh H thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Anh xác định còn thương chị L nên không đồng ý L hôn. Nếu tòa xử cho anh L hôn thì con chung đồng ý giao cho chị L nuôi. Về cấp dưỡng nuôi thì có nhiều cho nhiều, có ít thì cho ít. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị được L hôn với anh H. Về con chung: chị L được tiếp tục nuôi con Lê Xuân Anh Thảo. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau anh H và chị L hay cự cải dẫn đến chị L yêu cầu L hôn. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên anh chị đoàn tụ lại với nhau nhưng không có kết quả, chị L vẫn cương

quyết L hôn. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xử án chấp nhận cho chị L được L hôn với anh H.

[3] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng nuôi con của chị L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Khánh L cho chị được L hôn với anh Lê Xuân H.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Xuân Anh Thảo, sinh ngày 06/12/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị L nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016780 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chị L không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn- bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng